

Số 85/CV-DL1

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2018

V/v Giải trình LNST 6 tháng đầu năm
2018 thay đổi trên 10% so với 6 tháng
đầu năm 2017 và chênh lệch trước và sau
kiểm toán trên 5%

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Căn cứ Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Dịch vụ Công trình Công cộng Đức Long Gia Lai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán AAC; Báo cáo tài chính hợp nhất quý 2 năm 2018

Công ty xin giải trình lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2018 thay đổi so với 6 tháng đầu năm 2017 và lợi nhuận sau thuế chênh lệch trước và sau kiểm toán như sau:

A. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017:

I. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC riêng lẻ:

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch (3)=(1)-(2)	% Tăng/ giảm (4)=(3)/(2)
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	24.226.541.920	7.831.309.015	16.395.232.905	209,4%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.890.983.553	2.358.105.305	2.532.878.248	107,4%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.335.558.367	5.473.203.710	13.862.354.657	253,3%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 cơ sở giảm doanh thu và tăng lợi nhuận

- Lưu lượng khách các tuyến tương đối, doanh thu kỳ này giảm 26,9% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 53,15%, cùng kỳ năm trước chiếm 40,03 %
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.456% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính về lãi vay giảm 42,87 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng tăng 7 % so với cùng kỳ năm trước

- Chi phí quản lý tăng 3,48% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 5,53 %, kỳ trước chiếm 3,78 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 14,63% , kỳ trước chiếm 10,34 %.

II. Giải trình lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước trên BCTC hợp nhất :

Chỉ tiêu	Số liệu kiểm toán		Chênh lệch	%
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2017		
	(1)	(2)		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.163.137.401	8.145.451.877	13.017.685.524	159,8%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.188.512.695	2.434.946.536	2.753.566.159	113%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.974.624.706	5.745.669.716	10.228.954.990	178%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	15.835.793.807	5.678.917.974	10.156.875.833	178,8%
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	138.830.899	66.751.742	72.079.157	107,9%

Quá trình sản xuất 6 tháng đầu năm 2018 so với 6 tháng đầu năm 2017 cơ sở giảm doanh thu và tăng lợi nhuận

- Doanh thu kỳ này giảm 26,66% so với cùng kỳ năm trước
- Cơ cấu giá vốn hàng bán chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này chiếm 93,33%, cùng kỳ năm trước chiếm 91,57 %
- Doanh thu hoạt động tài chính tăng 1.448,5% so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí tài chính tăng 422,3 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí bán hàng tăng 7,75 % so với cùng kỳ năm trước
- Chi phí quản lý tăng 192,4% so với cùng kỳ năm trước

Chi phí so với cùng kỳ năm trước, cơ cấu chi phí kỳ này chiếm trong doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ như chi phí bán hàng kỳ này chiếm 0,77 %, kỳ trước chiếm 0,53 % . Chi phí quản lý kỳ này chiếm 6,44% , kỳ trước chiếm 1,62 %.

B. Giải trình số liệu BCTC 6 tháng đầu năm 2018 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên:

I. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Phải thu ngắn hạn khác	136	2.448.910.637	4.368.428.037	(1.919.517.400)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	1.062.830.508.309	1.064.750.025.709	(1.919.517.400)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.587.514.371	4.971.417.851	(383.903.480)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	41.725.605.467	43.261.219.387	(1.535.613.920)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421 a</i>	<i>23.925.661.020</i>	<i>23.925.661.020</i>	<i>0</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421 b</i>	<i>17.799.944.447</i>	<i>19.335.558.367</i>	<i>(1.535.613.920)</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	1.062.830.508.309	1.064.750.025.709	(1.919.517.400)

1. Phải thu ngắn hạn khác tăng: 1.919.517.400 VNĐ do ghi nhận sai tính chất chi phí liên quan đến các khoản phải trả tiền thuê đất trên BCTC tự lập.

2. Lợi nhuận tăng là do ghi nhận sai chi phí giá vốn trên BCTC tự lập .

II. Các chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh riêng:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Giá vốn hàng bán	11	7.495.227.262	5.575.709.862	1.919.517.400
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	22.307.024.520	24.226.541.920	(1.919.517.400)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.507.080.073	4.890.983.553	(383.903.480)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	17.799.944.447	19.335.558.367	(1.535.613.920)

1. Chi phí giá vốn giảm 1.919.517.400VNĐ là do Công ty ghi nhận thừa chi phí tiền thuê đất trên BCTC tự lập .

2. Lợi nhuận trước thuế tăng khoản tương ứng chi phí giá vốn hàng bán trên BCTC tự lập, nên chi phí TNDN hiện hành tăng theo tỷ lệ dẫn đến Lợi nhuận sau thuế tăng theo tương ứng.

III. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất:

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	1.243.187.613.887	946.804.057.887	296.383.556.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	40.738.000.000	54.317.000.000	(13.579.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	136	13.120.174.269	23.797.652.908	(10.677.478.639)
Hàng tồn kho	141	488.401.175.350	490.928.080.607	(2.526.905.257)
Phải thu về cho vay dài hạn	215	248.163.909.223	525.088.256.223	(276.924.347.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.327.959.026.110	2.335.859.028.479	(7.900.002.369)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	31.910.233.261	285.680.891.037	(253.770.657.776)
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	5.051.521.721	5.414.657.784	(363.136.063)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	27.979.452	13.397.312.352	(13.369.332.900)
Phải trả ngắn hạn khác	319	19.939.564.756	12.185.220.016	7.754.344.740
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	192.344.090.909	389.405.154.545	(197.061.063.636)
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	253.770.657.776	0	253.770.657.776
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	418.880.537.273	222.355.837.273	196.524.700.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	40.926.061.893	42.305.686.915	(1.379.625.022)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421 a</i>	<i>26.460.400.370</i>	<i>26.460.400.370</i>	<i>0</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421 b</i>	<i>14.465.661.523</i>	<i>15.845.286.545</i>	<i>(1.379.625.022)</i>
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.327.959.026.110	2.335.859.028.479	(7.900.002.369)

1. Trả trước cho người bán ngắn hạn chênh lệch 296.383.556.000 VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long và Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhầm tài khoản trả trước người bán trên BCTC tự lập.

2. Phải thu về cho vay ngắn hạn tăng: 13.579.000.000VNĐ là do Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku- Công ty con ghi nhận sai khoản phải thu về cho vay dài hạn sang ngắn hạn trên BCTC tự lập .

3. Phải thu ngắn hạn khác tăng: 10.677.478.639 VNĐ do là Công ty mẹ đã trình bày Mục B- I -1, Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi

nhận sai 8.697.599.595VNĐ , Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku– Công ty con ghi sai 60.361.643VNĐ trên BCTC tự lập.

4. Hàng tồn kho tăng: 2.526.905.257 VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai tăng 3.276.327.470VNĐ , Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku– Công ty con ghi nhận sai giảm 5.803.232.727VNĐ trên BCTC tự lập

5. Phải thu về cho vay dài hạn tăng:276.924.347.000VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai giảm 290.503.347.000VNĐ , Công ty TNHH Phú Thành Gia Pleiku– Công ty con ghi nhận sai tăng 13.579.000.000VNĐ trên BCTC tự lập

6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng : 253.770.657.776VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai trả trước cho người bán dài hạn trên BCTC tự lập.

7. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước tăng: 363.136.063VNĐ chi phí giá vốn hàng bán Công ty mẹ ghi nhận tăng chi phí nên chi phí TNDN hiện hành giảm theo tỷ lệ trên BCTC tự lập.

8. Chi phí phải trả ngắn hạn tăng: 13.369.332.900VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai Khoản phải trả ngắn hạn khác trên BCTC tự lập.

9. Phải trả ngắn hạn khác giảm : 7.754.344.740VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai trên BCTC tự lập.

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn tăng : 197.061.063.636VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai từ Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trên BCTC tự lập.

11. Người mua trả tiền trước dài hạn giảm : 253.770.657.776VNĐ do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai trả trước cho người bán ngắn hạn trên BCTC tự lập.

12. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm: 196.524.700.000 VNĐ là do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long – Công ty con ghi nhận sai từ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trên BCTC tự lập.

13. Lợi nhuận tăng là do ghi nhận sai chi phí giá vốn Công ty mẹ trên BCTC tự lập .

14. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

IV. Các chỉ tiêu trên bảng báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất:

	MÃ SỐ	SỐ LIỆU TRƯỚC KIỂM TOÁN	SỐ LIỆU SAU KIỂM TOÁN	CHÊNH LỆCH
Giá vốn hàng bán	11	77.300.181.762	75.380.664.362	1.919.517.400
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27.850.479.558	37.836.080.194	(9.985.600.636)
Chi phí tài chính	22	5.150.919.753	5.484.559.633	(333.639.880)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.126.742.199	5.204.152.008	922.590.191
Chi phí khác	32	1.196.259.922	11.940.041.375	(10.743.781.453)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.800.717.658	5.188.512.695	(387.795.037)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	14.587.132.849	15.974.624.706	(1.387.491.857)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61	14.465.661.523	15.835.793.807	(1.370.132.284)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	121.471.326	138.830.899	(17.359.573)

1. Giá vốn hàng bán giảm 1.919.517.400VNĐ là do Công ty mẹ ghi nhận thừa chi phí tiền thuê đất trên BCTC tự lập.

2. Doanh thu hoạt động tài chính tăng: 9.985.600.636VNĐ do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long - Công ty con ghi nhận thiếu doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ trên BCTC tự lập.

3. Chi phí tài chính tăng: 333.639.880 VNĐ do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long - Công ty con ghi nhận thiếu chi phí tài chính trong kỳ trên BCTC tự lập.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm : 922.590.191VNĐ do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long - Công ty con ghi nhận tăng chi phí quản lý trong kỳ trên BCTC tự lập.

5. Chi phí khác tăng: 10.743.781.453VNĐ do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Vạn Gia Long - Công ty con ghi nhận thiếu chi phí vi phạm hợp đồng và chi phí khác trong kỳ trên BCTC tự lập.

6. Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng: 387.795.037VNĐ và Lợi nhuận sau thuế TNDN tăng : 1.387.491.857 VNĐ là do giá vốn giảm, doanh thu hoạt động tài chính tăng, chi phí quản lý giảm, chi phí khác tăng đã trình bày tăng giảm khoản tương ứng trên BCTC tự lập, nên chi phí TNDN hiện hành tăng theo tỷ lệ dẫn đến Lợi nhuận sau thuế tăng theo tương ứng.

7. Lợi nhuận sau thuế TNDN thuộc cổ đông công ty mẹ sau kiểm toán tăng 1.370.132.284VNĐ và lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát tăng 17.359.573VNĐ so với số liệu trước kiểm toán chủ yếu do điều chỉnh đã trình bày mục IV(1,2,3,4,5,6,7) này .

8. Các điều chỉnh khác ảnh hưởng không đáng kể.

Trên đây là giải trình cho các chênh lệch trọng yếu của BCTC đã kiểm toán so với số liệu trước kiểm toán của Công ty về nội dung liên quan đến báo cáo tài chính riêng lẻ và báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2018 .

Trân trọng kính chào !

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu KT

**CTCP ĐTPT DV CTCC
ĐỨC LONG GIA LAI
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN TƯỜNG CỘT